



IMPLEMENTING CONTENT LANGUAGE INTEGRATED LEARNING IN TEACHING LEGAL ENGLISH AT HANOI LAW UNIVERSITY

Bui Thi Kieu Giang¹ & Vu Van Tuan²

¹Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry

²Hanoi Law University, Vietnam

Email address: tuanvv@hlu.edu.vn

<http://doi.org/10.51453/2354-1431/2024/1285>

Article info

Received:

Revised:

Published:

Keywords

CLIL, EMI, *lingua*

franca, ESP,

Legal English

Abstract

The content-language integrated learning method is a teaching approach that integrates subject knowledge into language, which is very important in teaching legal English. This method helps learners not only master the terminology and techniques of achievement in the legal field but also improve their English language ability through exposure to real-life content and hypothetical situational solutions. It enabled learners to use English in legal documents and in subsequent legal communication, creating a solid foundation for working or studying in an international environment. The paper used a synthetic analysis method to analyze and propose a suitable model for those who are studying legal English courses. When applying the model of four elements, that is, culture, content, cognition and communication, combined together based on communication context, learners promote the dual goal of learning specialized English and legal knowledge. The research results would be a resourceful reference for university administrators in the policy goal of applying English in teaching, learners to change new methods and approaches to specialized knowledge, students as well as researchers can be helpful information to help them not only be good at the language but also have a deep understanding of legal content, increase data entry ability and work in an international environment.



ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP TÍCH HỢP NỘI DUNG VÀ NGÔN NGỮ TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH PHÁP LÝ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Bùi Thị Kiều Giang¹ & Vũ Văn Tuấn²

¹Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

²Trường Đại học Luật Hà Nội

Địa chỉ email: tuanvv@hlu.edu.vn

<http://doi.org/10.51453/2354-1431/2024/1285>

Thông tin bài báo	Tóm tắt
Ngày nhận bài: Ngày hoàn thiện: Ngày đăng: Từ khóa <i>Phương pháp tích hợp, ngôn ngữ giảng dạy bằng tiếng Anh, thông ngữ, tiếng Anh chuyên ngành, tiếng Anh pháp lý</i>	Phương pháp học tập tích hợp nội dung và ngôn ngữ là một phương pháp giảng dạy kết hợp giữa nội dung chuyên ngành và ngôn ngữ, và nó có vai trò rất quan trọng trong dạy tiếng Anh pháp lý. Phương pháp học tập tích hợp nội dung và ngôn ngữ giúp người học không chỉ nắm vững các thuật ngữ và cách diễn đạt trong lĩnh vực pháp lý mà còn nâng cao khả năng ngôn ngữ Anh thông qua tiếp xúc với các nội dung thực tế và tình huống pháp lý giả định. Phương pháp tích hợp này giúp người học thấy được cách ngôn ngữ Anh được sử dụng trong các văn bản pháp lý và trong giao tiếp pháp lý, tạo nên nền tảng vững chắc để làm việc hoặc học tập trong môi trường quốc tế. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích tổng hợp nhằm lựa chọn mô hình phù hợp với đối tượng sinh viên theo học các học phần tiếng Anh pháp lý. Khi áp dụng mô hình 4 thành tố văn hoá, nội dung, nhận thức, và giao tiếp kết hợp với nhau trên nền tảng ngữ cảnh giao tiếp, người học phát huy được mục đích kép đó là học tiếng Anh chuyên ngành và kiến thức Luật học trong đó. Kết quả của nghiên cứu sẽ là nguồn tham khảo đối với nhà quản trị trường học trong việc hoạch định chính sách áp dụng tiếng Anh trong giảng dạy, giảng viên đổi mới phương pháp và cách tiếp cận với kiến thức chuyên ngành, sinh viên cũng như nhà nghiên cứu có được thông tin hữu ích giúp họ không chỉ giỏi ngôn ngữ mà còn hiểu sâu về nội dung pháp lý, tăng khả năng hội nhập và làm việc trong môi trường quốc tế.

1. Mở đầu

Phương pháp học tập tích hợp nội dung và ngôn ngữ (Content Language Integrated Learning - CLIL) là một phương pháp giảng dạy mà trong đó ngôn ngữ ngoại ngữ (thường là tiếng Anh) được sử dụng làm công cụ để giảng dạy một môn học khác không liên quan đến ngôn ngữ. Điều này có nghĩa là người học không chỉ học kiến thức về một môn học cụ thể mà còn học ngôn ngữ mục tiêu trong quá trình học môn đó (Coyle, D., Hood, P., & Marsh, D., 2010), (Marsh, D., 2000). Với phương pháp học tập tích hợp, mục tiêu không chỉ nằm ở việc truyền đạt kiến thức về một lĩnh vực chuyên môn, mà còn là phát triển kỹ năng ngôn ngữ của người học (Zhou, X., 2022). Người học tiếp xúc với các khái niệm, thuật ngữ và văn bản chuyên ngành bằng ngôn ngữ mục tiêu, đồng thời áp dụng và thực hành ngôn ngữ đó trong quá trình học tập. Phương pháp CLIL bắt đầu được phát triển và phổ biến từ thập niên 1990 ở châu Âu. Cụ thể, năm 1994, thuật ngữ CLIL chính thức được đưa ra bởi David Marsh, một nhà giáo dục người Phần Lan, và các đồng nghiệp của mình (Marsh, D., 2000). Họ đề xuất CLIL như một phương pháp giáo dục mới để đáp ứng nhu cầu giảng dạy trong một châu Âu ngày càng hội nhập, nơi việc thành thạo nhiều ngôn ngữ trở nên cần thiết trong bối cảnh kinh tế và xã hội đa dạng. Ban đầu, CLIL tập trung vào giảng dạy bằng tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ hai hoặc ngôn ngữ chung (*lingua franca*) cho người học ở các quốc gia không nói tiếng Anh. Đến nay, CLIL đã trở thành một phương pháp giáo dục phổ biến tại nhiều quốc gia, không chỉ ở châu Âu mà còn ở châu Á, châu Mỹ và các khu vực khác, đặc biệt là trong các hệ thống giáo dục quốc tế và song ngữ (Zhou, X., 2022), (Nguyễn Thị Thu Hằng và Nguyễn Thị Mai Hoa, 2024).

Tại Việt Nam, ngày 22/12/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 2080/QĐ-TTg, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025 (Chính phủ, 2017). Mục tiêu chung

của đề án là “Đổi mới việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, tiếp tục triển khai dạy và học ngoại ngữ mới ở các cấp học, trình độ đào tạo, nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu học tập và làm việc; tăng cường năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực trong thời kỳ hội nhập, góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; tạo nền tảng phổ cập ngoại ngữ cho giáo dục phổ thông vào năm 2025.” Đặc biệt trong mục III(1)(a) của Đề án bổ sung đã nhấn mạnh việc phải đổi mới chương trình đào tạo theo hướng dạy tích hợp ngoại ngữ như sau:

a) Khảo sát, nghiên cứu, xây dựng, triển khai thí điểm, hoàn thiện, tổng kết và đánh giá, ban hành chương trình và sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu, học liệu dạy và học ngoại ngữ, dạy tích hợp ngoại ngữ trong một số môn học khác, dạy một số môn học khác (như toán và các môn khoa học, môn chuyên ngành) bằng ngoại ngữ, đào tạo giáo viên ngoại ngữ, đào tạo giáo viên bằng ngoại ngữ cho các cấp học, trình độ đào tạo, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhu cầu học ngoại ngữ đa dạng của xã hội theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế và phù hợp với đặc thù của Việt Nam;

b) Xây dựng, hoàn thiện, thực hiện lộ trình triển khai các chương trình dạy và học ngoại ngữ cho các cấp học và trình độ đào tạo và lộ trình áp dụng chuẩn nghề nghiệp giáo viên, khung năng lực giáo viên ngoại ngữ;

c) Từng bước triển khai dạy tích hợp ngoại ngữ trong một số môn học khác, dạy một số môn học khác (như toán và các môn khoa học, môn chuyên ngành) bằng ngoại ngữ;

Nhiệm vụ của Đề án cũng đề cao việc bồi dưỡng nhân lực để đáp ứng được mục tiêu được quy định ở mục III(3) như sau:

3. Phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ đủ về số lượng và bảo đảm chất lượng.

a) Xây dựng, hoàn thiện và ban hành khung năng lực giáo viên ngoại ngữ theo các cấp học và trình độ đào tạo;

b) *Tuyển dụng giáo viên, giảng viên ngoại ngữ bảo đảm chất lượng, đáp ứng nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp để triển khai dạy ngoại ngữ theo các cấp học và trình độ đào tạo bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.*

c) *Củng cố và phát triển các cơ sở bồi dưỡng giáo viên, giảng viên ngoại ngữ, giáo viên, giảng viên dạy các môn khoa học và chuyên ngành bằng ngoại ngữ;*

d) *Tổ chức bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ, năng lực sư phạm, đặc biệt là năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học ngoại ngữ cho giáo viên, giảng viên ngoại ngữ, giáo viên, giảng viên dạy các môn khoa học và chuyên ngành bằng ngoại ngữ, ưu tiên việc bồi dưỡng đối với giảng viên sư phạm ngoại ngữ, giáo viên tiếng Anh cấp tiểu học, giáo viên tại các khu vực khó khăn.*

Hiện nay có sự mâu thuẫn về thể chế trong việc đào tạo ngoại ngữ ở trường đại học đó là hiểu cho đúng bản chất thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành (English for specific purposes – ESP) hay dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh (Teaching other Subjects through English - CLIL) (Nguyễn Thái Học, 2019), (Đỗ Thị Trinh, Trần Việt Cường, & Hoàng Văn Tài, 2023).

. Tiếng Anh chuyên ngành là tiếng Anh được sử dụng trong các lĩnh vực nghề nghiệp hoặc ngành học cụ thể. Nó bao gồm từ vựng, thuật ngữ, cách diễn đạt và phong cách ngôn ngữ đặc trưng cho một ngành nghề hoặc chuyên môn, giúp những người trong ngành giao tiếp hiệu quả và chính xác hơn (Ngô Phan Anh Tuấn, 2017), (Nguyễn An Giang, 2024).

Cụ thể, tiếng Anh chuyên ngành Luật (legal English) là ngôn ngữ tiếng Anh được sử dụng trong lĩnh vực pháp lý và tư pháp. Nó bao gồm các thuật ngữ, cấu trúc câu, và phong cách ngôn ngữ đặc thù, giúp các luật sư, thẩm phán, và những người làm trong lĩnh vực pháp lý giao tiếp một cách chính xác và phù hợp trong bối cảnh pháp luật. Ví dụ: Liability - Trách nhiệm pháp lý; Breach of

contract - Vi phạm hợp đồng; jurisdiction - Thẩm quyền. Thực tiễn hiện nay tiếng Anh chuyên ngành mới chỉ dừng lại việc cung cấp thuật ngữ về chuyên ngành đó chứ không được giảng dạy như là ngôn ngữ thứ hai. Mặt khác, khi giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh (CLIL), người học sẽ hoàn toàn học tất cả các môn học đó bằng tiếng Anh, và tiếng Anh được sử dụng là phương tiện trong giảng dạy (English as a medium of instruction - EMI). Sự không rõ ràng trong việc xác định hình thức đào tạo này dẫn đến hiệu quả của phương pháp giảng dạy tiếng Anh chưa đạt được như kỳ vọng. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả sẽ đi sâu vào nghiên cứu thuộc tính CLIL trong giảng dạy tiếng Anh pháp lý nhằm đề xuất áp dụng quy trình giảng dạy tiếng Anh pháp lý hiệu quả. Mục đích của bài viết nhằm trả lời các câu hỏi sau đây?

1. *Tại sao phương pháp CLIL phù hợp cho hoạt động giảng dạy hiện nay?*

2. *Những thành tố quan trọng nào trong phương pháp CLIL cần được chú trọng?*

3. *Các bước hiệu quả trong việc áp dụng phương pháp CLIL là gì?*

Bài viết sẽ cung cấp thông tin về việc áp dụng CLIL tại cơ sở giáo dục trong hoạt động giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành. Bài viết cung cấp thông tin tham khảo hữu ích cho các nhà nghiên cứu, giảng viên, và các nhà quản trị trường học trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy cũng như quản trị trường học nhằm mang lại sự cạnh tranh cao, khẳng định chất lượng thương hiệu của cơ sở giáo dục đào tạo.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp theo mô hình được đề xuất bởi Pigott (Pigott, T. D., 2012). Phương pháp này phù hợp với nghiên cứu hiện tại bởi vì đây là phương pháp tập trung vào việc phân tích chuyên sâu và tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn thứ cấp khác nhau để xây dựng một cơ sở lý thuyết toàn diện. Mục tiêu của phương pháp này là cung cấp cái nhìn rõ ràng và đa chiều về đối tượng nghiên cứu đó là

phương pháp CLIL, đồng thời đánh giá, tận dụng sự đa dạng của các nguồn thông tin thứ cấp đã thu thập được để đưa ra mô hình phù hợp cho việc áp dụng phương pháp CLIL vào giảng dạy tiếng Anh pháp lý.

3. Thảo luận

3.1. Thực tiễn của việc lựa chọn phương pháp học tích hợp đối với sinh viên

Phương pháp học tập tích hợp nội dung và ngôn ngữ là một cách tiếp cận phù hợp để giúp sinh viên đại học Việt Nam chuẩn bị cho tương lai trong môi trường quốc tế hoá, phát triển toàn diện cả kiến thức chuyên môn và khả năng ngôn ngữ. Những quan điểm dưới đây lý giải cho việc lựa chọn phương pháp CLIL như sau:

- *Tăng cường năng lực hội nhập quốc tế:* Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào các tổ chức quốc tế và ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA), các văn bản pháp lý và thương thảo quốc tế thường sử dụng tiếng Anh. Phương pháp CLIL giúp sinh viên Luật không chỉ hiểu rõ ngôn ngữ mà còn thành thạo trong việc áp dụng các thuật ngữ pháp lý quốc tế, chuẩn bị cho họ khả năng làm việc với các luật sư và tổ chức quốc tế;

- *Phát triển kiến thức chuyên môn và kỹ năng ngôn ngữ đồng thời:* Bằng cách học Luật thông qua tiếng Anh, sinh viên có thể nắm vững cả kiến thức chuyên môn và ngôn ngữ một cách tự nhiên. Đây là lợi thế lớn trong việc phân tích, so sánh các hệ thống pháp luật khác nhau, đặc biệt với các sinh viên có định hướng nghiên cứu hoặc làm việc trong môi trường quốc tế.

- *Nâng cao khả năng tiếp cận tài liệu pháp lý quốc tế:* Nhiều tài liệu luật quốc tế, án lệ, công ước, và các báo cáo nghiên cứu luật đều bằng tiếng Anh. Việc kết hợp học Luật và tiếng Anh giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận và hiểu sâu các nguồn tài liệu này, tăng cường năng lực nghiên cứu và áp dụng pháp luật.

- *Đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động:* Các công ty luật, tổ chức phi chính phủ, và doanh nghiệp đa quốc gia đều cần nhân sự có kiến thức

pháp lý và thành thạo tiếng Anh. Phương pháp CLIL giúp sinh viên tự tin làm việc trong môi trường đa quốc gia, từ đó nâng cao cơ hội việc làm và đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng.

- *Phát triển tư duy phản biện và kỹ năng phân tích bằng hai ngôn ngữ:* Học Luật bằng tiếng Anh thúc đẩy sinh viên phát triển tư duy pháp lý ở cả hai ngôn ngữ, giúp họ có góc nhìn đa chiều và nhạy bén hơn trong phân tích pháp lý. Điều này đặc biệt quan trọng trong quá trình giải quyết các vụ việc liên quan đến thương mại quốc tế và luật quốc tế.

- *Phù hợp với xu hướng giáo dục pháp lý toàn cầu:* Nhiều trường đại học và học viện pháp lý trên thế giới đã áp dụng phương pháp CLIL để giúp sinh viên hòa nhập tốt hơn vào môi trường làm việc toàn cầu. Việc triển khai CLIL tại Việt Nam không chỉ giúp nâng cao chất lượng giáo dục mà còn chuẩn bị cho sinh viên hành trang vững chắc khi học tập hoặc làm việc ở nước ngoài.

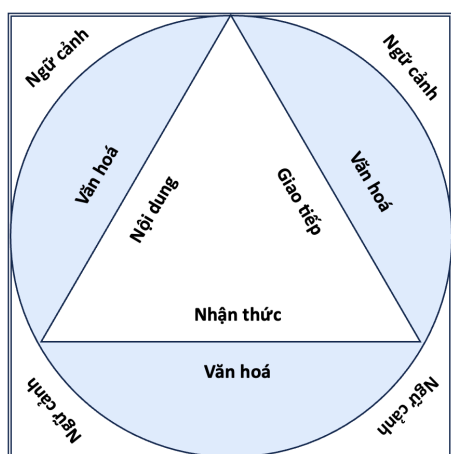
Nhìn chung, phương pháp tích hợp nội dung chuyên ngành Luật và tiếng Anh tạo ra lợi thế cho sinh viên Việt Nam trong việc nắm bắt kiến thức pháp luật quốc tế, nâng cao khả năng ngôn ngữ và chuẩn bị kỹ năng để làm việc trong môi trường hội nhập, toàn cầu hoá ngày càng phát triển.

3.2. Các thành tố chính trong phương pháp CLIL

Mục tiêu hướng đến trong dạy học ứng dụng phương pháp CLIL là mục tiêu kép, tức là vừa đảm bảo mục tiêu của môn học, vừa đảm bảo mục tiêu ngôn ngữ chính vì vậy, hai yếu tố ngôn ngữ và học thuật luôn đan xen nhau trong phương pháp CLIL này.

Khung 4Cs bao gồm bốn thành tố: Culture (Văn hóa), Communication (Giao tiếp), Content (Nội dung) và Cognition (Nhận thức). Trong đó 3 thành tố Communication – Content – Cognition tạo thành 3 đỉnh của một tam giác; các cạnh tam giác thể hiện mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau, tập trung vào tâm tam giác – Culture với mục tiêu cốt lõi sau cùng là phát triển văn hóa của người học,

từ mặt nhận thức kiến thức đến khả năng giao tiếp và sự hình thành văn hóa riêng của người học. Dựa vào khung 4Cs này, kế hoạch dạy học được thiết kế có thể đảm bảo sự cân bằng giữa hai yếu tố ngôn ngữ và học thuật, và góp phần tạo nên một tiết học CLIL hiệu quả. Đây được xem là một trong khung tiêu chí căn bản để xây dựng và lập kế hoạch dạy học theo mô hình CLIL.



Hình 1. Bốn nhân tố chính trong phương pháp CLIL

Khung 4Cs tích hợp bốn thành tố được thiết kế theo ngữ cảnh: nội dung (*chủ đề*), giao tiếp (*học và sử dụng ngôn ngữ*), nhận thức (*quá trình học và tư duy*), và văn hóa (*phát triển sự hiểu biết liên văn hóa và quyền công dân toàn cầu*). Sự kết hợp của 4 thành tố này nhằm tích hợp việc học nội dung và học ngôn ngữ trong các bối cảnh cụ thể và ghi nhận mối quan hệ cộng sinh tồn tại giữa các yếu tố này. Như vậy, phương pháp CLIL diễn ra như một kết quả của sự cộng sinh giữa các mối quan hệ của 4 thành tố thông qua:

- Sự tiến triển về kiến thức, kỹ năng và hiểu biết về nội dung của môn học;
- Sự tham gia vào quá trình xử lý nhận thức liên quan;
- Sự tương tác trong bối cảnh giao tiếp;
- Sự phát triển kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ phù hợp;
- Sự tiếp thu nhận thức liên văn hóa sâu sắc để xác định lại mối quan hệ giữa bản thân và ‘sự khác biệt đó’.

Theo quan điểm này, CLIL bao gồm việc học cách sử dụng ngoại ngữ phù hợp với ngữ cảnh và sử dụng ngoại ngữ đó để học nội dung môn học hiệu quả. Mối quan hệ này được xây dựng dựa trên các nguyên tắc sau:

- Nội dung không chỉ là về việc tiếp thu kiến thức, kỹ năng, mà còn là về việc người học tạo ra kiến thức và sự hiểu biết của riêng mình, phát triển các kỹ năng (*học tập cá nhân hóa*);
- Nội dung liên quan đến việc học và tư duy (nhận thức). Để người học có thể tự tạo ra cách diễn giải nội dung của riêng mình, nội dung đó phải được phân tích theo các yêu cầu về ngôn ngữ của nó;
- Quá trình tư duy (nhận thức) cần được phân tích theo các yêu cầu về ngôn ngữ đó;
- Ngôn ngữ cần được học có liên quan đến bối cảnh học tập, đến việc học thông qua ngôn ngữ đó, đến việc tái cấu trúc nội dung và đến các quá trình nhận thức liên quan. Ngôn ngữ này cần phải minh bạch và dễ tiếp cận;
- Tương tác trong bối cảnh học tập là nền tảng của việc học. Điều này có ý nghĩa khi bối cảnh học tập hoạt động thông qua phương tiện của một ngoại ngữ;
- Mối quan hệ giữa các nền văn hóa và ngôn ngữ rất phức tạp. Nhận thức liên văn hóa là nền tảng của CLIL;
- CLIL được đưa vào bối cảnh giáo dục rộng hơn mà nó được phát triển và do đó phải tính đến các biến ngữ cảnh để có thể thực hiện hiệu quả.

Dựa trên các thành tố của CLIL, việc áp dụng CLIL cần phải đảm bảo sự kết hợp của 4 thành tố nội dung, nhận thức, giao tiếp, văn hóa một cách hiệu quả.

3.3. Tính thực tiễn của đường hướng học tích hợp nội dung và ngôn ngữ trong giảng dạy tiếng Anh pháp lý

Khi áp dụng 4 thành tố chính: Nội dung (Content), Nhận thức (Cognition), Giao tiếp (Communication), và Văn hóa (Culture) vào giảng dạy học phần Luật và tiếng Anh pháp lý cần quan

tâm đến từng thành tố cụ thể trong việc giảng dạy Luật bằng tiếng Anh:

a. Nội dung (*Content*)

Nội dung của học phần nên tập trung vào các chủ đề pháp lý cụ thể mà người học cần nắm vững, chẳng hạn như Luật Hợp đồng, Luật Hình sự, hoặc Luật Thương mại quốc tế. Để giúp người học làm quen với ngôn ngữ và văn phong pháp lý, cần sử dụng các tài liệu gốc như điều luật, hợp đồng mẫu, án lệ và bài báo pháp lý bằng tiếng Anh. Bên cạnh đó, bài giảng kết hợp giữa nội dung và ngôn ngữ. Có nghĩa là cấu trúc bài giảng cần lồng ghép cả kiến thức pháp lý và kỹ năng ngôn ngữ, ví dụ: dạy về “Breach of Contract” sẽ đi kèm với việc giới thiệu các thuật ngữ pháp lý như “breach”, “consideration”, “remedy”,...

b. Nhận thức (*Cognition*)

Người học cần phát triển khả năng tư duy phân tích để hiểu rõ và vận dụng các nguyên tắc pháp lý. Các hoạt động như phân tích án lệ, giải quyết tình huống pháp lý, và thảo luận các vấn đề pháp lý giúp người học phát triển khả năng tư duy này. Ngoài ra, Giảng viên nên đưa ra các câu hỏi mang tính chất thử thách, ví dụ như “Vì sao điều khoản này có thể bị coi là vi phạm hợp đồng?” hoặc “Các yếu tố nào dẫn đến một hành vi bị coi là tội phạm trong trường hợp này?”. Những câu hỏi này giúp người học tư duy sâu hơn và kết nối kiến thức luật với ngữ cảnh thực tế. Các hoạt động như phiên tòa giả định (moot court) hoặc viết ý kiến tư vấn pháp lý yêu cầu người học áp dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề, từ đó phát triển tư duy phức tạp hơn.

c. Giao tiếp (*Communication*)

Việc học Luật và tiếng Anh pháp lý không chỉ tập trung vào việc nắm kiến thức mà còn nhấn mạnh vào khả năng giao tiếp hiệu quả trong môi trường pháp lý. Các hoạt động như thảo luận nhóm, tranh luận pháp lý, hoặc trình bày một vụ án đều rất quan trọng. Để nâng cao năng lực giao tiếp, sinh viên có thể tham gia các buổi đóng vai,

đóng vai luật sư, thẩm phán, hoặc các bên trong một tranh chấp pháp lý. Ví dụ, họ có thể lập luận về một vụ kiện để bảo vệ quyền lợi của thân chủ. Điều này giúp học viên phát triển kỹ năng sử dụng ngôn ngữ chuyên ngành và kỹ năng thuyết phục bằng tiếng Anh thông qua các kỹ năng chính của tiếng Anh chuyên ngành.

Kỹ năng Đọc hiểu: Yêu cầu người học đọc các tài liệu pháp lý như án lệ hoặc điều luật, sau đó trình bày lại nội dung đã hiểu.

Kỹ năng Viết: Thực hiện các bài tập viết bản ghi nhớ pháp lý, hợp đồng đơn giản, hoặc các đoạn phân tích pháp lý bằng tiếng Anh.

Kỹ năng Nghe và Nói: Thực hành nghe các đoạn hội thoại hoặc bài giảng pháp lý bằng tiếng Anh, sau đó tham gia thảo luận, đặt câu hỏi hoặc tóm tắt.

d. Văn hóa (*Culture*)

Việc hiểu được sự khác biệt giữa các hệ thống pháp lý (ví dụ, giữa Luật Anh và Luật Việt Nam) giúp người học nhận ra sự đa dạng trong quan điểm và cách tiếp cận pháp lý. Điều này không chỉ nâng cao kiến thức chuyên môn mà còn giúp người học hiểu rõ hơn về các giá trị và nguyên tắc khác nhau trong luật pháp. Bằng cách học Luật bằng tiếng Anh, người học sẽ có cơ hội hiểu sâu hơn về văn hóa pháp lý của các quốc gia nói tiếng Anh, chẳng hạn như hệ thống Thông Luật. Người học sẽ hiểu hơn về quy trình tố tụng, cách thức làm việc của luật sư, và các nguyên tắc pháp lý được coi trọng ở các quốc gia này. Hơn nữa, các hoạt động nhóm với yêu cầu giải quyết các vấn đề pháp lý từ nhiều quốc gia khác nhau giúp người học hiểu rõ cách làm việc với những người đến từ các nền văn hóa khác nhau. Do vậy, người học hiểu và tôn trọng sự khác biệt về quan điểm, văn hóa, và thói quen pháp lý của các quốc gia khác nhau. Việc đưa vào các tình huống pháp lý liên quan đến thương mại quốc tế, hợp đồng với các đối tác nước ngoài, hoặc các vụ kiện liên quan đến các bên từ các quốc gia khác nhau giúp người học hiểu rõ

hơn về các yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến việc áp dụng và diễn giải luật.

Áp dụng 4 thành tố vào lớp học thực tế

Dưới đây là một ví dụ cụ thể về cách áp dụng 4 thành tố trong một bài giảng về Luật Hợp đồng:

- **Nội dung (Content):**

Chủ đề: Luật Hợp đồng - Điều khoản “Breach of Contract” (Vi phạm hợp đồng).

Hoạt động: Sinh viên đọc một ví dụ về vụ kiện liên quan đến vi phạm hợp đồng bằng tiếng Anh và xác định các yếu tố vi phạm.

- **Nhận thức (Cognition):**

Câu hỏi phân tích: “Những yếu tố nào cho thấy rằng đã xảy ra vi phạm hợp đồng trong vụ kiện này?”.

Hoạt động tư duy: Sinh viên thảo luận và phân tích lý do vì sao tòa án đã quyết định rằng một vi phạm đã xảy ra, yêu cầu họ trình bày và bảo vệ quan điểm của mình.

- **Giao tiếp (Communication):**

Sinh viên đóng vai luật sư của cả nguyên đơn và bị đơn để biện luận cho vụ việc vi phạm hợp đồng này. Họ phải trình bày bằng tiếng Anh và sử dụng đúng các thuật ngữ pháp lý.

Viết tóm tắt vụ án: Yêu cầu sinh viên viết một bản tóm tắt ngắn về vụ kiện, sử dụng các từ vựng và cụm từ chuyên ngành đã học.

- **Văn hóa (Culture):**

Sinh viên so sánh cách giải quyết vi phạm hợp đồng theo luật pháp của Anh với luật pháp Việt Nam. Qua đó, họ sẽ hiểu hơn về sự khác biệt trong cách tiếp cận vấn đề của các hệ thống pháp lý khác nhau. Ngoài ra, Sinh viên thảo luận về việc tại sao trong các nền văn hóa khác nhau, người ta có thể có quan điểm khác nhau về khái niệm “thiệt hại công bằng” hoặc “bồi thường”.

Việc áp dụng 4 thành tố Nội dung, Nhận thức, Giao tiếp, và Văn hoá của mô hình CLIL trong giảng dạy Luật và tiếng Anh pháp lý giúp người học không chỉ nắm vững kiến thức pháp lý, mà còn phát triển kỹ năng ngôn ngữ, tư duy phân tích, khả năng giao tiếp trong bối cảnh pháp lý, và sự hiểu biết về văn hóa pháp lý quốc tế. Điều này giúp sinh viên sẵn sàng hơn cho môi trường làm

việc đa văn hóa và quốc tế, nơi họ có thể vận dụng cả kiến thức chuyên môn lẫn kỹ năng ngôn ngữ một cách hiệu quả.

4. Kết luận và đề xuất

Toàn cầu hoá đã thúc đẩy các nền kinh tế giao thương gắn kết cùng phát triển, nhu cầu hội nhập đòi hỏi có sự chuẩn hoá trong hoạt động giao thương nhằm tránh sự xung đột lợi ích có thể xảy ra. Trong hoạt động giáo dục và đào tạo, cần có sự đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng 4.0 đang diễn ra. Một trong những vấn đề đặt ra đó là giảng dạy bằng tiếng Anh hay giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành đã được làm rõ trong bài viết. Phương pháp dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh (CLIL) đang được khuyến khích ở các trường đại học vì người học sẽ phát triển được kiến thức chuyên ngành cũng như khả năng sử dụng tiếng Anh trong chuyên ngành đó. Phương pháp CLIL bao gồm 4 thành tố đó là văn hoá, nội dung, giao tiếp, và nhận thức của người học. 4 thành tố này được phát triển dựa trên ngữ cảnh ngôn ngữ đề cập đến..

Phương pháp CLIL giúp người học phát triển đồng thời năng lực ngôn ngữ và kiến thức chuyên ngành qua việc học tập, sử dụng ngôn ngữ để hiểu và diễn đạt nội dung pháp lý. Để nâng cao hiệu quả của việc ứng dụng CLIL trong giảng dạy tiếng Anh pháp lý, một số vấn đề dưới đây cần được lưu ý:

- *Thiết kế giáo trình tích hợp nội dung pháp lý.* Giáo trình CLIL trong tiếng Anh pháp lý nên bao gồm các tài liệu và chủ đề thực tế của ngành pháp lý, như các điều luật, quy định, tài liệu tư pháp, hợp đồng, và các văn bản pháp lý. Thay vì chỉ tập trung vào cấu trúc ngữ pháp và từ vựng, CLIL giúp học viên hiểu sâu hơn về cách sử dụng ngôn ngữ trong bối cảnh thực tế của pháp luật.

- *Kết hợp phương pháp giảng dạy tích cực và thực hành:* Một đặc điểm của CLIL là khuyến khích giảng viên sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, như học theo dự án, phân tích tình huống (case studies), và thực hành thông qua thảo luận và tranh biện. Những phương pháp này giúp

